



## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### Chi nhánh Công ty Cổ phần dinh dưỡng Nutricare

Nhà máy 1: Lô VII.2 và Nhà máy 2: Lô V.11, Lô V.12, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương, Thị xã Thuận Thành  
Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : X4GD2505170202-HN

Mã số mẫu : 743-2025-00083632

Tên mẫu : Thực phẩm dinh dưỡng y học Sữa bột pha sẵn Nutricare Colos24h Grow Plus  
Tinh trạng mẫu : Mẫu đựng trong bao bì kín  
Ngày nhận mẫu : 17/05/2025 Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 24/05/2025  
Thời gian thử nghiệm : 19/05/2025 - 24/05/2025

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD347 VD (a) <i>Enterobacteriaceae</i>	cfu/ ml	ISO 21528-2:2017	Không phát hiện (LOD=1)
2	VD369 VD (a) <i>Salmonella spp.</i>	/25 ml	TCVN 10780-1:2017; ISO 6579-1:2017/Amd. 1:2020	Không phát hiện
3	VD390 VD (a) <i>Listeria monocytogenes</i>	cfu/ ml	ISO 11290-2:2017	Không phát hiện (LOD=1)
4	VD855 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
5	VD856 VD (a) Arsen (As)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
6	VD857 VD (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)
7	VD063 VD (a) Ochratoxin A	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5627 (Ref. AOAC International 84.6 2001:1818-1827), LC-FLD	Không phát hiện (LOD=0.5)
8	VD071 VD (a) Patulin	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5629 (Tham khảo AOAC 2000.02), LC-UV	Không phát hiện (LOD=5)
9	VD633 VD (a) Fumonisin tổng số	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4846 (Tham khảo EN 14352:2004), LC-FLD	Không phát hiện (LOD=100)
10	VD640 VD (a) Aflatoxin M1	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5628 (Ref. ISO 14501:2007), LC-FLD	Không phát hiện (LOD=0.01)
11	VD4WB VD (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.003)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Trần Thị Mỹ Dung  
Giám đốc Chi nhánh Hà Nội



Lý Hoàng Hải  
Tổng Giám Đốc



## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 28/05/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 28/05/2025.

### Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu để hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải [www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/](http://www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/).

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.